

TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

Với tinh thần nhân văn cao cả và nhãn quan chính trị sắc bén, suốt cả cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không ngừng xây dựng, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết toàn dân tộc, tích cực truyền bá tư tưởng đoàn kết trong toàn Đảng, các cấp chính quyền, trong các tầng lớp nhân dân. Trong các tác phẩm của mình, Bác có tới trên 400 bài nói và bài viết về đoàn kết. Tư tưởng về đoàn kết của Người được thể hiện nổi bật là: *“Đoàn kết làm ra sức mạnh”*; *“Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”*; *“Đoàn kết là thắng lợi”*; *“Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”*; *“... một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”*; *“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”*.

1. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược quyết định thành công của cách mạng Việt Nam

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa đoàn kết và thành công. Hơn thế nữa, phạm vi, mức độ, quy mô của thành công trước hết phụ thuộc vào chính quy mô và mức độ của khối đại đoàn kết. Có đoàn kết mới có thắng lợi, càng gặp kẻ thù lớn, càng khó khăn gian khổ bao nhiêu lại càng phải đoàn kết, chặt chẽ, rộng rãi và vững chắc bấy nhiêu.

Là vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc đoàn kết không chỉ tạo nên sức mạnh mà còn là vấn đề có ý nghĩa quyết định tới việc sống còn, thành bại, được mất trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù. *“Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”*; *“Đoàn kết là sức mạnh, là*

then chốt của thành công”... Để lý giải một nước Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu lại có thể đương đầu và đánh bại những thế lực có ưu thế tuyệt đối về vật chất, phương tiện chiến tranh, Người nói: *“Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ, Chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước, Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đùng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại”*. Theo Bác, đoàn kết trong Đảng là tiền đề đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở đại đoàn kết quốc tế. Đó là đường lối chiến lược kết hợp sức mạnh đại đoàn kết dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn làm nên những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam; vì *“Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”*.

Trước lúc đi xa, trong bản Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”*. Người cũng thể hiện mong muốn tột bậc: *“Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”*.

2. Lực lượng và hình thức tổ chức đại đoàn kết toàn dân tộc

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, khối đại

đoàn kết toàn dân tộc bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, lực lượng, đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo, các cá nhân yêu nước, người Việt Nam ở nước ngoài, kể cả những người đã lầm đường, lạc lối nhưng biết hối cải trở về với nhân dân. Nói cách khác, khối đại đoàn kết toàn dân tộc bao gồm: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ”.

Với chủ trương *đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở thống nhất lợi ích quốc gia dân tộc với quyền lợi cơ bản của các giai tầng; nòng cốt khối đại đoàn kết toàn dân tộc là liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng*; theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần giải quyết hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, dân cư ở các vùng miền khác nhau. Phát huy mặt tương đồng, hóa giải điểm khác biệt. Mẫu số chung để đại đoàn kết toàn dân tộc là: hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tự do, giàu mạnh: “Toàn dân đoàn kết nhất trí thì chúng ta nhất định xây dựng được nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tự do, giàu mạnh”.

Hình thức tổ chức lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc là mặt trận dân tộc thống nhất. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất được thành lập với những tên gọi phù hợp, như: Hội Phản đế Đồng minh (1930); Mặt trận Thống nhất Nhân dân Phản đế Đông Dương (1936); Việt Nam độc lập đồng minh hội gọi tắt là Việt Minh (1941); Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam - gọi tắt là Hội Liên Việt (1946); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955); Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam (1960); Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam (1968); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977 đến nay). Mặt trận dân tộc thống nhất chỉ có thể bền vững khi được xây dựng trên

nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức và dưới sự lãnh đạo của Đảng. Theo Người, để tập hợp lực lượng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không được phép bỏ sót bất cứ thành phần giai cấp, xã hội nào, miễn là họ có lòng yêu nước, sẵn sàng cống hiến, phục vụ quốc gia dân tộc. Và “Công, nông, trí chúng ta đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta sẽ khắc phục được mọi khó khăn, trở ngại... Chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

3. Nguyên tắc đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong bài *Nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc*, tháng 1-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Những đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”. Vì vậy, khối đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng dựa trên nguyên tắc lấy lập trường giai cấp công nhân để giải quyết hài hòa các mối quan hệ giai cấp - dân tộc.

Nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc, *thứ nhất, tin vào dân, dựa vào dân vì lợi ích của nhân dân* để đoàn kết toàn dân, phát động các phong trào thi đua yêu nước trong lao động, học tập, sản xuất và chiến đấu, bởi vì: “Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. (*Còn nữa*)

(Trích học tập chuyên đề năm 2020: “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” - tài liệu của Ban Tuyên giáo Trung ương) Phòng PBGDPL (Sưu tầm)

ĐẢNG BỘ SỞ TƯ PHÁP - DẤU ẤN MỘT NHIỆM KỲ

Trần Văn Tường
Bí thư Đảng bộ Sở Tư pháp

Dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh mà trực tiếp là của Đảng ủy Khối; sự phối hợp, giúp đỡ của các ngành, các cấp đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, kiên định sự nghiệp đổi mới; nội bộ đoàn kết; trình độ chuyên môn, năng lực công tác ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng và nhiệm vụ chính trị và đã đạt được những kết quả tích cực.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được Đảng bộ thường xuyên thực hiện tốt, trọng tâm là tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.v.v. cho cán bộ, đảng viên và quần chúng của Đảng bộ. Luôn chú trọng định hướng công tác thông tin, tuyên truyền, trang bị cho cán bộ, đảng viên ý thức, tinh thần đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; kịp thời thông tin thời sự, các sự kiện, tổ chức các sinh hoạt chính trị v.v., nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Cán bộ, đảng viên và quần chúng nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương về đạo đức, phong cách, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt quy định của BCH Trung ương về những điều đảng viên không được làm.



Ảnh: Đặng Tuấn

Công tác tổ chức xây dựng Đảng luôn được quan tâm chú trọng, đảm bảo nâng cao năng lực và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng. Đảng bộ, các chi bộ trực thuộc được củng cố, kiện toàn, tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung hoạt động. Đảng bộ hiện có 48 đảng viên chính thức sinh hoạt tại 06 chi bộ trực thuộc. Quan tâm tạo nguồn và phát triển đảng viên, trong nhiệm kỳ, đã cử 12 quần chúng học bồi dưỡng nhận thức về Đảng, trong đó 08 quần chúng được kết nạp vào Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng thực hiện bảo đảm theo quy định. Đã thực hiện 05 cuộc kiểm tra tại 04 chi bộ; tổ chức 03 cuộc giám sát chuyên đề tại 03 chi bộ.

Lãnh đạo thực hiện công tác dân vận và hoạt động đoàn thể được đổi mới về phương thức và nội dung, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, góp phần xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả trở thành việc làm thường xuyên của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong toàn Đảng bộ. Hằng năm, Đảng bộ đã ban hành kế hoạch và thực hiện khắc phục những khuyết điểm, hạn chế thông qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm theo Nghị quyết TW 4 (Khóa XII). 100% cán bộ, đảng viên xây dựng, thực hiện Bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị theo chuyên đề hàng năm gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) và ký Bản cam kết thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ. Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị tạo sự chuyển biến tích cực, nhiều cán bộ, đảng viên đã khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém, tích cực hơn trong việc tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác và trong sinh hoạt hằng ngày; việc làm theo Bác ngày càng rõ nét hơn, thực chất hơn.

Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác quốc phòng - an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: Nâng cao chất lượng thẩm định các đề nghị xây dựng, dự thảo VBQP, chú trọng công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền. Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới VBQPPL. Tăng cường thực hiện công tác theo dõi THPL. Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

các chương trình đề án, kế hoạch PBGDPL theo giai đoạn đến năm 2021. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật Hòa giải cơ sở năm 2013, Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên giai đoạn 2018-2022”. Đẩy mạnh hiện đại hóa các lĩnh vực công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước, với trọng tâm là triển khai đồng bộ, hiệu quả Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch; xây dựng, vận hành hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc. Tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; chú trọng xây dựng các Phòng Công chứng, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thành các đơn vị sự nghiệp tự chủ làm đầu tàu về chuyên môn nghiệp vụ. Tăng cường truyền thông; nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý, nhất là các vụ việc tham gia tố tụng. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng. Tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, triển khai thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp. Bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn cho cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Đổi mới phong cách, lề lối làm việc, kịp thời đúc rút kinh nghiệm trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao./.

SỞ TƯ PHÁP:

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 190-CTR/TU NGÀY 26/11/2019 CỦA TỈNH ỦY YÊN BÁI VỀ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 63-KL/TW NGÀY 18/10/2019 CỦA BCHTW ĐẢNG KHÓA XII VÀ NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 27 BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA TỈNH NĂM 2020

Dể kịp thời triển khai, cụ thể hóa Chương trình hành động số 190-CTr/TU ngày 26/11/2019 của Tỉnh ủy Yên Bái về thực hiện Kết luận số 63-KL/TW ngày 18/10/2019 của BCHTW Đảng khóa XII và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 27 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh năm 2020. Ngày 21/01/2020, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch hành động số 72/KHHĐ-STP về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 190-CTr/TU. Kế hoạch đã xác định phương châm hành động của năm là “Tiếp tục tăng tốc, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả” gắn với phong trào thi đua “Toàn Ngành Tư pháp đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, thi đua bút phá hiệu quả, về đích sớm lập thành tích xuất sắc chào mừng kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống (28/8/1945 - 28/8/2020) và Đại hội thi đua yêu nước lần thứ V”.

Kế hoạch hành động cũng xác định rõ 05 chỉ tiêu, nhiệm vụ của Ngành Tư pháp được giao trong Chương trình hành động số 190-CTr/TU để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm yêu cầu đặt ra, gồm: (1) Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính đồng bộ, khả thi; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính bảo đảm 100% không sai sót. (2) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật, giai đoạn 2018-2020.



*Hội nghị triển khai công tác Tư pháp năm 2020
Ảnh: Đặng Tuấn*

(3) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trọng tâm là triển khai hiệu quả Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2018-2021. (4) Nâng cao chất lượng xây dựng xã phường thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. (5) Số hóa Sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

Trong kế hoạch cũng xác định và phân công cụ thể trách nhiệm chỉ đạo của lãnh đạo phụ trách; trách nhiệm thực hiện của các phòng, đơn vị chủ trì và phối hợp; thời gian bắt đầu, thời gian hoàn thành nhiệm vụ, với mục tiêu hoàn thành vượt tiến độ, về đích sớm đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động số 190-CTr/TU của Tỉnh ủy.

Thu Nga

TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2020

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt nam, 75 năm thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, 130 năm Ngày sinh chủ tịch Hồ chí Minh; là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp và cũng là năm kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp. Trong bối cảnh đó, Ngành Tư pháp Yên Bái bám sát Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ Tư pháp, tổ chức triển khai nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2020, trong đó tập trung vào những lĩnh vực:

1. Công tác xây dựng, thẩm định; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); công tác pháp chế; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Tổ chức thực hiện tốt công tác xây dựng VBQPPL trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đầy đủ quy trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL; Chú trọng công tác thẩm định VBQPPL; nhất là tính dự báo của chính sách, bảo đảm tính khả thi để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống; Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền VBQPPL; phát hiện và xử lý ngay những quy định trái pháp luật; Kịp thời thực hiện rà soát thường xuyên VBQPPL; tham mưu cơ quan có thẩm quyền xử lý các văn bản có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên; tổ chức thực hiện công tác pháp chế năm 2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp đảm bảo trọng tâm, hiệu quả, thiết thực.

2. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quản lý xử lý vi phạm hành chính; Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018 - 2022” trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật; Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị định về kiểm tra, xử

lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính sau khi được Chính phủ ban hành; Tiếp tục thực hiện cắt giảm Chi phí tuân thủ pháp luật, góp phần cải thiện điểm số và vị trí xếp thứ hạng của tỉnh Yên Bái về chỉ số này.

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và hòa giải ở cơ sở: Triển khai hiệu quả văn bản thay thế Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2022, Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2018-2021” và Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên giai đoạn 2018-2022”. Đây nhanh việc triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019-2021”; tập trung tuyên truyền các luật mới được ban hành, pháp luật chống hàng giả, buôn lậu, gian lận thương mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; các chính sách thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển các thành phần kinh tế; pháp luật về thăm dò, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; chú trọng công tác PBGDPL trong nhà trường.

4. Công tác hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường

nhà nước: Tăng cường quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước; Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Lý lịch tư pháp; 10 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi; Tiếp tục triển khai Chương trình hành động quốc gia về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024.

5. Công tác hỗ trợ tư pháp và trợ giúp pháp lý (TGPL): Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ tư pháp; nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; Tổng kết 5 năm thi hành Luật công chứng 2014; Tham mưu tổ chức triển khai Luật Giám định tư pháp, Nghị định về tổ chức và hoạt động thừa phát lại, Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Công chứng sau khi các văn bản trên được ban hành; Tiếp tục thực hiện hiệu quả Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, trong đó tập trung thực hiện TGPL trong các vụ án; nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL, năng lực của đội ngũ người thực hiện TGPL. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án đổi mới công tác TGPL, giai đoạn 2015 - 2025. Chú trọng việc hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động TGPL.

6. Công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp và pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành Tư pháp theo yêu cầu khung năng lực vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, hướng đến việc giải quyết căn bản mâu thuẫn giữa khối lượng công việc và số lượng biên chế được

giao, căn cứ tình hình cụ thể để sắp xếp, bố trí, ổn định đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, pháp chế, bảo đảm đủ về số lượng, có trình độ, chất lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công việc.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra; nâng cao chất lượng hoạt động chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp ở địa phương; cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin; thi đua, khen thưởng: Chú trọng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, nhất là công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; xử lý nghiêm và đề xuất các giải pháp phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực tư pháp, nhất là lĩnh vực lý lịch tư pháp, luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, trợ giúp pháp lý; tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp; Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; Thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, đổi mới công tác quản lý chỉ đạo, điều hành, lề lối làm việc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong các hoạt động của ngành; Chỉ đạo triển khai đồng bộ, có hiệu quả và vượt mức về tiến độ, thời gian đối với các nhiệm vụ chính trị được giao tại Chương trình hành động số 190-CTr/TU ngày 26/11/2019 của Tỉnh ủy Yên Bái và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 27 BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh năm 2020. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa ngành Tư pháp với cấp ủy, chính quyền cấp huyện và các sở, ban, ngành, đoàn thể. Thực hiện tốt chủ trương hướng mạnh về cơ sở, vì cơ sở, bám sát đặc điểm tình hình thực tiễn của cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo cơ chế đồng bộ, điều kiện thuận lợi để công tác tư pháp ở cơ sở đạt kết quả cao./.

Minh Lý

TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI

Quyet định 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội, Quyết định 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy định giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền là hai trong những quyết định quan trọng của Trung ương Đảng nhằm hoàn thiện hơn cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và đề cao tính dân chủ. Đặc biệt, việc giám sát và phản biện xã hội đã được thực hiện tốt qua kênh nhân dân, một kênh lớn với đầy đủ mọi thành phần, tiếng nói, ý kiến, nguyện vọng... nhằm thể chế hóa những quy định của Hiến pháp sửa đổi năm 2013 vừa được Quốc hội thông qua và thể chế hóa Nghị quyết Đại hội 10, 11 của Đảng về phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Để triển khai thực hiện Quyết định 217, 218 của Bộ Chính trị, Ủy ban MTTQ các cấp và các tổ chức thành viên đã phối hợp triển khai có hiệu quả các hoạt động giám sát thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; giám sát thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn; giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư; giám sát

đầu tư của cộng đồng... Hàng năm, Ủy ban MTTQ tỉnh tham gia với HĐND, UBND, các tổ chức đoàn thể giám sát công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư các công trình, nhà dân trên địa bàn tỉnh, thông qua giám sát đã phối hợp vận động thành công một số hộ gia đình cố tình không bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thi công công trình, đồng thời xây dựng văn bản đề nghị các cấp, các ngành, các đơn vị liên quan phối hợp giải quyết. Thực hiện chương trình phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, Ủy ban MTTQ các cấp đã tham gia các đợt giám sát hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; việc tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; việc thi hành án dân sự tại các đơn vị khối Nội chính. Thông qua kiểm tra, giám sát đã tổ chức phối hợp với các cơ quan hữu quan bám sát các quy định của pháp luật thực hiện tốt việc quản lý, chỉ đạo, kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ về công tác thi hành án hình sự, dân sự, triển khai kịp thời các thông tư, nghị định của Chính phủ, Bộ Công an quy định hướng dẫn công tác thi hành án hình sự; chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị cấp dưới thực hiện việc thống kê, báo cáo phản ánh đầy đủ về công tác thi hành án hình sự, việc đảm bảo quyền của người bị tạm giữ, tạm giam về tính mạng, danh dự, nhân phẩm.

Phối hợp tổ chức giám sát đại biểu HĐND cấp huyện, xã tại 9/9 huyện, thị, thành phố trong tỉnh; phối hợp với Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Hội Luật gia tỉnh về giám

sát nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; rà soát việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng theo Chỉ thị 23 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng và xây dựng Đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn”. Năm 2019 chủ trì, phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức 5 cuộc giám sát chuyên đề về các nội dung: công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục pháp luật, tổ chức sinh hoạt, hoạt động cho đoàn viên thanh niên; tình hình thực hiện các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; việc huy động và sử dụng các nguồn lực huy động từ nhân dân phục vụ xây dựng nông thôn mới... Thông qua hoạt động giám sát, MTTQ tỉnh đã có nhiều kiến nghị với Trung ương, UBND tỉnh về những vấn đề còn hạn chế, thiếu sót trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Từ đó, giúp chính quyền các cấp có các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đồng thời kịp thời điều chỉnh, bổ sung cơ chế và giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, đơn vị và cơ sở.

Về công tác phản biện xã hội, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh đã tiến hành phản biện xã hội theo quy định, trong đó, tập trung vào việc góp ý vào các dự thảo luật, pháp lệnh do các cơ quan chức năng chuẩn bị để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến và thông qua; các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và góp ý vào các dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng.

Trong thời gian qua, Ủy ban MTTQ các cấp trong tỉnh cũng đã phối hợp tổ chức trung cầu ý kiến các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân tham gia phản biện xã hội đối với những quyết sách, đề án như: Dự thảo quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XVIII của Đảng bộ tỉnh; Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm của HĐND tỉnh các năm; Dự thảo đề án “Phát triển nguồn lực y tế, giai đoạn 2016-2020”; Dự thảo Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020”. Dự thảo quy định giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Dự thảo Quy chế quản lý vùng hồ Thác Bà; Dự thảo điều chỉnh Bảng giá đất tỉnh Yên Bái năm 2020 và các dự thảo luật... Thông qua việc lấy ý kiến tham gia phản biện đã có nhiều ý kiến có giá trị đóng góp vào các văn bản luật và văn bản quy phạm pháp luật.

Để việc thực hiện Quyết định số 217 và Quyết định số 218 của Bộ Chính trị tiếp tục đạt hiệu quả, thời gian tới, Ủy ban MTTQ các cấp trong tỉnh sẽ tiếp tục quán triệt, phổ biến tới cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời, phối hợp tham mưu, đề xuất thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về đại đoàn kết dân tộc; hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong quyết định những vấn đề lớn của đất nước; bảo đảm tất cả quyền lực của Nhà nước thuộc về nhân dân, nâng cao hiệu quả, tính thiết thực trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội./.

Phí Yên (Mặt trận Tổ quốc tỉnh)

ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CHO TRẺ EM KHI CHA MẸ CHƯA ĐỦ ĐỘ TUỔI KẾT HÔN

Tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về độ tuổi kết hôn là nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Khi đó nam, nữ mới được xác lập quan hệ hôn nhân, được nhà nước thừa nhận và bảo hộ.

Tuy nhiên, hiện nay một số bộ phận thanh thiếu niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mặc dù chưa đủ độ tuổi kết hôn nhưng vẫn sống chung như vợ chồng và sinh con gây rất nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội. Tảo hôn sẽ làm cho sức khỏe của trẻ em bị ảnh hưởng, đặc biệt là trẻ em gái dưới độ tuổi 15 mang thai sẽ có nguy cơ chết cao do mang thai và sinh đẻ so với phụ nữ trên 20 tuổi. Khi kết hôn sớm trẻ em sẽ không được nghỉ ngơi và thư giãn, không được tham gia vui chơi, tham gia đến hoạt động giải trí và được tự do tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ phù hợp với lứa tuổi... Phần lớn các cặp vợ chồng tảo hôn khi tuổi đời còn ít, phải nghỉ học, mất cơ hội học tập, thiếu kiến thức xã hội, đặc biệt là thiếu kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kiến thức nuôi dạy chăm sóc trẻ em. Ngoài ra, tảo hôn khiến khả năng tìm kiếm việc làm, kiếm sống hoặc đóng góp về kinh tế cho gia đình hạn chế, nhiều cặp hạnh phúc gia đình đi đến phá vỡ, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của trẻ em...

Theo quy định của pháp luật, người nào có hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn, tùy theo mức độ vi phạm đối với từng trường hợp cụ



Ảnh minh họa: Nguồn Internet

thể có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể:

Về xử lý hành chính: Theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình... thì: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cố ý duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đủ tuổi kết hôn mặc dù đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc chấm dứt quan hệ đó.

Về xử lý hình sự: Điều 183 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội tổ chức tảo hôn: Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

Thực tế thời gian qua, hành vi vi phạm này còn diễn ra tại các huyện vùng cao của tỉnh và một số nơi vi phạm chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do ý thức của một số bộ phận người dân chưa cao, việc quản lý, giáo dục của gia đình đối với thanh, thiếu niên còn nhiều hạn chế; một số bộ phận thanh thiếu niên, nhất là thanh thiếu niên ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn thiếu kiến thức về giới và các biện pháp phòng tránh...Hệ quả là, khi các em yêu nhau và muốn đi đến kết hôn nhưng chưa đủ tuổi bị bố mẹ ngăn cấm thì các em dấn nhau bỏ nhà ra đi để sống chung; không nghề nghiệp, không thể trụ vững và phải quay về gia đình hoặc có hành vi vi phạm để duy trì cuộc sống; cũng có trường hợp bị gia đình ngăn cấm thì rủ nhau tìm đến cái chết.

Vì chưa đủ độ tuổi kết hôn nhưng vẫn sống chung như vợ chồng, nhiều trường hợp lo sợ bị phạt nên giấu giếm, thậm chí không dám đi đăng ký khai sinh cho con, dẫn đến đứa trẻ không được thụ hưởng các chính sách của nhà nước như chính sách bảo hiểm y tế, các chương trình tư vấn, tiêm chủng miễn phí và chăm sóc sức khỏe trẻ em; không được đăng ký thường trú, không được nhận tặng cho hoặc thừa kế di sản thừa kế theo pháp luật...do đó, ảnh hưởng đến sự phát triển cũng như quyền lợi của trẻ em.

Việc lo sợ bị phạt nên không đi đăng ký khai sinh cho trẻ là hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền của trẻ em. Theo Khoản 1 Điều 26 Bộ luật Dân sự năm 2015: Cá nhân có quyền có họ, tên (bao gồm cả chữ đệm, nếu có). Họ, tên của một người được xác định theo họ, tên khai sinh của người đó. Điều 13 Luật Trẻ em quy định về quyền được

khai sinh và có quốc tịch: Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật.

Như vậy, khai sinh là một quyền mà trẻ em sinh ra được hưởng không phân biệt được sinh ra trong hoàn cảnh nào, điều kiện nào kể cả là cha mẹ của đứa trẻ chưa đủ tuổi kết hôn. Do đó, mặc dù người phụ nữ chưa đủ độ tuổi kết hôn nhưng đã sinh con thì phải làm thủ tục để đăng ký khai sinh cho con theo quy định.

Vì chưa được đăng ký kết hôn nên thủ tục khai sinh sẽ được đăng ký theo thủ tục khai sinh cho con ngoài giá thú. Để ghi tên cha trong giấy khai sinh của con thì phải làm thủ tục nhận cha tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh theo quy định tại Điều 16 và Điều 25 Luật Hộ tịch năm 2014.

Để ngăn chặn tình trạng tảo hôn và đảm bảo quyền lợi cho trẻ em được sinh ra khi bố mẹ chưa đủ độ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân cấp xã cần tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức người dân; thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể và gia đình vận động thanh thiếu niên chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, phát hiện và xử lý nghiêm đối với các hành vi tảo hôn theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, tăng cường công tác rà soát, thống kê những trẻ em sinh ra khi cha mẹ chưa đủ độ tuổi kết hôn nhưng chưa đăng ký khai sinh thì vận động, thuyết phục, thậm chí đến từng gia đình để đăng ký khai sinh nhằm góp phần bảo vệ quyền trẻ em./.

Hoàng Anh

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2020

Năm 2019, 9/9 huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đồng thời ban hành Quyết định kiện toàn Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện và đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Toàn tỉnh có 159/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (tăng 38 xã, phường, thị trấn so với năm 2018, đạt tỷ lệ 92%), trong đó 06/09 huyện, thị xã, thành phố có 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh cũng đã lồng ghép kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng với kết quả hoạt động của Hội đồng PHPBGDPL, công tác hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật tại 03 đơn vị cấp huyện (Lục Yên, Trấn Yên và thành phố Yên Bái); 06 đơn vị cấp xã gồm: (xã An Phú, Yên Thắng, huyện Lục Yên; xã Hòa Công, Minh Quân, huyện Trấn Yên; Xã Nam Cường và phường Đồng Tâm thành phố Yên Bái). Qua kiểm tra cho thấy việc triển khai đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật đã được Đảng ủy - UBND các xã, phường, thị trấn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nghiêm túc, bảo đảm công khai minh bạch, dân chủ đúng quy định của pháp luật. Việc đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đảm bảo thời gian, yêu cầu.

Nhằm triển khai có hiệu quả việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020, tăng cao hơn nữa tỷ lệ cấp xã

đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm 2020, góp phần thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, ngày 27/2/2020, Sở Tư pháp đã ban hành văn bản số 154/STP-PBGDPL hướng dẫn các địa phương thực hiện một số nhiệm vụ công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 như sau: (1) Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện 05 tiêu chí và 25 chỉ tiêu xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. (2) Chú trọng chất lượng công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật đi vào thực chất, đúng quy định của Quyết định 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Đối với các xã, phường, thị trấn đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 thì tập trung chỉ đạo, nâng cao hơn nữa điểm số của các chỉ tiêu đánh giá. (3) Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã; công khai đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định, nâng cao tỷ lệ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi đến giải quyết các thủ tục hành chính tại UBND cấp xã; đồng thời quản lý cán bộ, công chức cấp xã không để xảy ra vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra. (4) Quan tâm bảo đảm kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020. (5) Thực hiện việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 theo đúng quy định về trình tự, thủ tục và thời gian.

Phòng PBGDPL

PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN TRẦN YÊN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Xác định việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ và nhân dân; đảm bảo quyền được tiếp cận thông tin của công dân đối với các quy định của pháp luật đồng thời làm cơ sở đánh giá tiêu chí 18.5 về chuẩn tiếp cận pháp luật đối với các xã đăng ký về đích nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Thực hiện chỉ đạo của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp huyện Trần Yên tham mưu giúp UBND huyện ban hành văn bản bổ sung nhiệm vụ này vào Kế hoạch PBGDPL hằng năm của huyện; đồng thời hướng dẫn các xã, thị trấn trên địa bàn huyện thực hiện việc xây dựng, tự đánh giá, chuẩn tiếp cận pháp luật với kết quả như sau:

*** Về công tác quán triệt, tập huấn truyền thông:** Giai đoạn 2017-2019, tổ chức Hội nghị triển khai quán triệt Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp cho các đối tượng là đại diện lãnh đạo UBND và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã; tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác đánh giá tiếp cận pháp luật cho các đối tượng là Chủ tịch UBNDTTQ, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Công chức Văn phòng - Thống kê của 21 xã, thị trấn.

Tại các xã, thị trấn tổ chức triển khai Quyết

định 619/2017/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp cho lãnh đạo, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch và các ngành, thành viên có liên quan, tổ chức các phiên họp tự đánh giá kết quả tiếp cận pháp luật đề nghị xét công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

*** Về công tác kiểm tra tình hình thực hiện:** Tổ chức kiểm tra, khảo sát thực tế việc thực hiện tiêu chí 18.5 tại các xã đăng ký về đích nông thôn mới; hướng dẫn công tác chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí và việc thiết lập hồ sơ minh chứng hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật tại 09 xã trên địa bàn huyện.

*** Về công tác phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:** Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới của huyện, cử thành viên tham gia đoàn kiểm tra, thẩm tra các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiếp cận pháp luật đối với các xã đăng ký về đích nông thôn mới; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng nông thôn mới.

*** Kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:** Năm 2017, có 01 xã không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; 20 xã, 01 thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt tỷ lệ 95,45%. Năm 2018, có 03 xã không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; 18 xã, 01 thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt tỷ lệ 90,5%. Năm 2019, có 20 xã và 01 thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt tỷ lệ 100%.

Nguyễn Tâm Trí - Phòng TP Trần Yên

XỬ PHẠT MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

Để triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19; ngày 30/3/2020, Sở Tư pháp ban hành công văn số 300/STP-XD, KTVB&TDTHPL hướng dẫn việc phổ biến, tuyên truyền xử phạt một số hành vi vi phạm hành chính (VPHC) liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19, cụ thể như sau:

I. VỀ HÀNH VI KHÔNG ĐEO KHẨU TRANG

1. Xử phạt bằng hình thức phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm không đeo khẩu trang tại các địa điểm yêu cầu phải đeo khẩu trang (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền xử phạt:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Thanh tra viên, người được giao thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ;
- Chánh Thanh tra Sở Y tế.

II. VỀ HÀNH VI KHÔNG CÁCH LY Y TẾ

1. Xử phạt bằng hình thức phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 176/2013/

NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ:

- Không tổ chức thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với trường hợp phải thực hiện việc cách ly y tế theo quy định của pháp luật

- Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Không lập danh sách và theo dõi sức khỏe của những người tiếp xúc với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế tại địa điểm không đủ điều kiện thực hiện cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền xử phạt:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Chánh Thanh tra Sở Y tế.

III. VỀ HÀNH VI KHÔNG KHAI BÁO Y TẾ

1. Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không khai báo khi phát hiện người mắc bệnh Covid-19 theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

2. Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi đối với hành vi

không đăng ký theo dõi sức khỏe với trạm y tế xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người mắc bệnh truyền nhiễm Covid-19 sau khi ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

3. Thẩm quyền xử phạt:

- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- + Thanh tra viên, người được giao thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ;
- + Chánh Thanh tra Sở Y tế.

IV. VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI

1. Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi được theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP:

- Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch;

- Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm là trung gian truyền bệnh;

- Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.

2. Thẩm quyền xử phạt:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Chánh Thanh tra Sở Y tế.

V. VỀ HÀNH VI ĐƯA TIN KHÔNG ĐÚNG SỰ THẬT

1. Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ:

- Không viện dẫn nguồn tin hoặc viện dẫn sai nguồn tin khi đăng, phát trên báo chí;

- Không ghi rõ họ, tên thật hoặc bút danh của tác giả, nhóm tác giả của tin, bài khi sử dụng để đăng, phát trên báo chí;

- Sử dụng tin, bài để đăng, phát trên báo chí nhưng không biết rõ tên thật, địa chỉ của tác giả, nhóm tác giả.

2. Thẩm quyền xử phạt

- Thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông đang thi hành công vụ;

- Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông.

Việc xử phạt VPHC đối với các hành vi VPHC liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19 cần bảo đảm: tuân thủ nguyên tắc xử phạt VPHC quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; thẩm quyền quy định về xử phạt VPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định tại khoản 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC; bảo đảm hình thức xử phạt, mức xử phạt tiền đối với từng hành vi VPHC có liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19./.

Văn phòng Sở

TĂNG CƯỜNG TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN CÁC VẤN ĐỀ DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

Để định hướng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đối với các vấn đề dư luận xã hội quan tâm trong thời gian gần đây và những tháng tiếp theo của năm 2020, ngày 20/2/2020 Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đã ban hành văn bản số 128/CV-HĐPH hướng dẫn các ngành thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh và Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện một số nội dung cụ thể như sau:

1. Phổ biến pháp luật liên quan đến phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19). Nội dung tập trung vào Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007, Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009, Luật Dược năm 2016 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về an toàn thực phẩm; kết hợp phổ biến quán triệt đầy đủ, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương về việc phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút Cô-rô-na gây ra, thông tin đầy đủ diễn biến tình hình dịch, khuyến cáo về các biện pháp phòng bệnh phù hợp với tình hình dịch; chỉ đạo việc tổ chức xác minh và xử lý nghiêm các trường hợp thông tin không chính xác, gây hoang mang trong cộng đồng và các hành vi lợi dụng dịch do vi rút Covid-19 gây ra để trục lợi v.v..

2. Phổ biến pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống tác hại



Ảnh minh họa: Nguồn ảnh Internet

của rượu, bia. Tiếp tục quán triệt đầy đủ, thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia năm 2019, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và các văn bản pháp luật có liên quan như: Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 16/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Luật Đường sắt năm 2017 v.v..

Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đề nghị các ngành thành viên và Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện, tình hình thực tiễn, quan tâm, chủ động tổ chức thông tin, phổ biến pháp luật đối với các vấn đề dư luận xã hội quan tâm bằng hình thức linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn; truyền tải đầy đủ thông tin pháp luật đến cán bộ, Nhân dân, nhất là đồng bào dân

tộc thiểu số, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng lưới loa truyền thanh cơ sở; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, viễn thông, công nghệ số trong PBGDPL.

Phát huy vai trò của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia phổ biến, vận động, thuyết phục nhân dân nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật liên quan. Trong đó: (1) đề nghị Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông đại chúng và chính quyền cơ sở tăng cường phổ biến quy định của pháp luật về phòng, chống dịch Covid-19; phòng, chống tác hại của rượu, bia; an toàn thực phẩm trong nhân dân để đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và phát huy hiệu lực, hiệu quả; (2) đề nghị Sở Thông tin truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí tăng cường thông tin, phổ biến các quy định pháp luật có liên quan về công tác phòng, chống dịch và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống tác hại của rượu bia; hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí và mạng lưới truyền thanh cơ sở tăng cường các chuyên trang, chuyên mục, thời lượng phát thanh, truyền hình, viết tin, bài để cung cấp đầy đủ thông tin quy định của pháp luật có liên quan giúp nhân dân nắm bắt và nghiêm túc thực hiện; (3) đề nghị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể

thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức phổ biến pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm nói chung, dịch Covid-19 nói riêng, pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia trong ngành, lĩnh vực quản lý; (4) đề nghị Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí tăng cường thời lượng, lồng ghép, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, thường xuyên các văn bản pháp luật liên quan trên chuyên trang, chuyên mục của báo, đài với nhiều thể loại đa dạng, phong phú nhằm cập nhật, phổ biến thông tin để mọi người dân biết và thực hiện; (5) đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Luật gia tỉnh, Liên đoàn Luật sư tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức quán triệt, phổ biến, giới thiệu các văn bản luật liên quan cho thành viên, hội viên của tổ chức mình và tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân; tích cực vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tự giác học tập, tìm hiểu, tuân thủ và chấp hành pháp luật, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật; chỉ đạo các tổ chức thành viên tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền các cấp thực hiện tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội đối với công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống tác hại của rượu, bia./.

Nguyễn Phương

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Theo Nghị định số 16/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam quy định một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam gồm:

1. Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam là khả năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Việt phù hợp với môi trường sống và làm việc của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

2. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam phải là người đang thường trú tại Việt Nam và đã được Cơ quan công an có thẩm quyền của Việt Nam cấp Thẻ thường trú.

Thời gian thường trú tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được tính từ ngày người đó được cấp Thẻ thường trú.

3. Khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được chứng minh bằng tài sản, nguồn thu nhập hợp pháp của người đó hoặc sự bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

* Người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam gồm:

1. Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam

dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam.

* Nghị định cũng quy định trường hợp đặc biệt xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam.

Cụ thể, người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây thì được coi là trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt

(Tiếp theo trang 22)

SO SÁNH MỘT SỐ MỨC PHẠT CỦA NGHỊ ĐỊNH 100/2019/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 46/2016/NĐ-CP VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT

Ngày 30/12/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, có hiệu lực từ 01/01/2020 và thay thế Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ. Nghị định 100/2019/NĐ-CP đã tăng rất cao mức phạt đối với một số hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định 46/2016/NĐ-CP.

1. Xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ

- Hành vi bấm còi trong đô thị và khu đông dân cư trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng.

- Hành vi không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy; Chở người trên xe ô tô không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- Hành vi điều khiển xe chạy tốc độ thấp hơn các xe khác đi cùng chiều mà không đi về bên phải phần đường xe chạy, trừ trường hợp các xe khác đi cùng chiều chạy quá tốc độ quy định; Chở người trên buồng lái quá số lượng quy định; Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không

dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.

- Hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h; Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- Hành vi dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe chạy trên đường.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng

- Hành vi không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông; Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ

2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

- Hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng.

- Hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

2. Xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h; Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ; Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật; Chở theo 02 (hai) người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật; Người

ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng.

- Người đang điều khiển xe sử dụng ô (dù), điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- Hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Không quy định xử phạt.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

Nghị định 46/2016/NĐ-CP: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng./.

Hoàng Anh

KIỂM TRA, XỬ LÝ KỶ LUẬT TRONG THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là một trong những nội dung quan trọng được Chính phủ quan tâm. Để hoạt động này được thực thi nghiêm minh, ngày 12/02/2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 19/2020/NĐ-CP).

Nghị định số 19/2020/NĐ-CP quy định về kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.



Hình ảnh minh họa. Nguồn ảnh: Internet

Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức có vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có thể sẽ bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật như: Khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; giáng chức; cách chức; buộc thôi việc.

Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; cơ quan quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành pháp

luật về xử lý vi phạm hành chính.

Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nhằm mục đích: Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; động viên, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Đồng thời, phát hiện những hạn chế, vướng mắc, bất cập, sai sót, vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời chấn chỉnh, xử lý, khắc phục.

Qua công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đảm bảo phòng, chống, ngăn chặn các vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Cùng với đó, phát hiện các quy định chưa thống nhất, đồng bộ hoặc chưa phù hợp với thực tiễn để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Nguyên tắc kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, không trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm tra khác đối với một đơn vị trong cùng thời gian; không gây cản trở, ảnh hưởng đến

hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra. Kết hợp giữa việc tự kiểm tra của đối tượng được kiểm tra với việc kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

Kết luận kiểm tra phải được đối tượng được kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chấp hành đầy đủ và đúng thời hạn. Các sai phạm, kiến nghị, yêu cầu trong kết luận kiểm tra phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng việc và tương ứng với tính chất, mức độ vi phạm.

Kết luận kiểm tra phải được người có thẩm quyền kiểm tra theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện. Chủ thể có thẩm quyền kiểm tra và đối tượng được kiểm tra được xác định trên cơ sở nguyên tắc của hoạt động quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và theo địa bàn, lãnh thổ.

Bên cạnh đó, tại Khoản 3, Điều 23 của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP cũng nêu rõ: Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình

thức kỷ luật; Việc tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi kỷ luật cũng được áp dụng trong trường hợp thực hiện hành vi vi phạm do hoàn cảnh khách quan hoặc do lỗi của đối tượng vi phạm hành chính.

Đặc biệt, tại Nghị định này Chính phủ cũng quy định hình thức kỷ luật cao nhất là buộc thôi việc sẽ được áp dụng trong trường hợp vi phạm như: Cán bộ, công chức, viên chức giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý; Chống đối, cản trở người làm nhiệm vụ kiểm tra, đe dọa, trù dập người cung cấp tài liệu cho cơ quan điều tra; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đòi, nhận tiền của người vi phạm...

Với những quy định nêu trên, công tác xử lý kỷ luật sẽ được bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Nghị định số 19/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/3/2020. Các quy định về xử lý kỷ luật tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020./.

Phòng XD,KTVB&TDTHPL

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH... *(Tiếp theo trang 17)*

Nam và được trình Chủ tịch nước xem xét việc cho nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải thôi quốc tịch nước ngoài:

1. Có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.

2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù

hợp với pháp luật của nước ngoài đó.

4. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước ngoài bị ảnh hưởng.

5. Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/3/2020./.

Thanh Huyền

BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HỘI THI “HÒA GIẢI VIÊN GIỎI” TỈNH YÊN BÁI NĂM 2020

Nhằm triển khai có hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở, giai đoạn 2019-2022”, ngày 03/3/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 48/KH-UBND về tổ chức Hội thi “Hòa giải viên giỏi” tỉnh Yên Bái năm 2020, với mục đích giúp các hòa giải viên giao lưu, học hỏi kinh nghiệm trong hoạt động hòa giải, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở, kỹ năng giải quyết, xử lý tình huống, các vụ việc phát sinh trong thực tế, đồng thời giúp cơ quan quản lý nhà nước các cấp nắm bắt được thực trạng năng lực, trình độ, kỹ năng của đội ngũ hòa giải viên, từ đó đề ra các biện pháp để củng cố, kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động này, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Hội thi được tổ chức theo hình thức sân khấu hóa và được chia thành các đội thi, mỗi đội gồm 03 người. Phần thi của mỗi đội gồm màn giới thiệu và 03 phần thi chính: *Màn giới thiệu*: Giới thiệu ngắn gọn về đội thi, đặc thù và tình hình công tác hòa giải tại địa phương bằng các hình thức (thơ, ca, hò, vè...) sinh động, hấp dẫn, thể hiện được bản sắc văn hóa của địa phương. *Phần thi kiến thức*: Trả lời các câu hỏi về nội dung liên quan đến Hội thi. *Phần thi giải quyết tình huống*: Vận dụng những kinh nghiệm hòa giải, những kiến thức pháp luật, kiến thức về đạo đức, xã hội, phong tục tập quán tốt đẹp, hương ước, quy ước văn hóa... để giải quyết có lý, có tình một tình huống tranh chấp cụ thể. Phần thi tiêu phẩm: Mỗi đội xây dựng và biểu diễn 01

tiêu phẩm bằng hình thức kịch nói, ca kịch hoặc các hình thức nghệ thuật sân khấu khác có nội dung liên quan đến một vụ việc thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở, phù hợp với đạo đức, thuần phong, mỹ tục, bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc. Mỗi đội có thể có thêm tối đa 02 người diễn phụ họa là hòa giải viên ở cơ sở.

Hội thi được tổ chức ở hai cấp (cấp huyện và cấp tỉnh): Thời gian thi ở cấp huyện hoàn thành trước 20/8/2020. Thời gian tổ chức Hội thi cấp tỉnh trong tháng 9/2020.

Cơ cấu giải thưởng:

- Đối với cấp huyện: Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế ở địa phương, Ban Tổ chức Hội thi cấp huyện cơ cấu giải thưởng và mức thưởng phù hợp.

- Đối với cấp tỉnh:

*. *Giải chính thức*: 01 giải Nhất; 02 giải Nhì; 03 giải Ba; 03 giải Khuyến khích.

- Giá trị giải thưởng:

+ Giải nhất trị giá: 8.000.000đ (Tám triệu đồng);

+ Giải nhì, mỗi giải trị giá: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng);

+ Giải ba, mỗi giải trị giá: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

+ Giải khuyến khích, mỗi giải trị giá: 3.000.000 (Ba triệu đồng).

*. *Giải phụ*: Mỗi giải trị giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng):

- Giải phần thi kiến thức xuất sắc nhất: 01 giải.

- Giải phần thi xử lý tình huống xuất sắc nhất: 01 giải.

- Giải phần thi tiêu phẩm xuất sắc nhất: 01 giải./.

Phòng PBGDPL

GUƠNG SÁNG TRONG CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Sinh ra và lớn lên tại huyện Trạm Tấu, ông Giàng A Páo, sinh năm 1969, cư trú tại thôn Khẩu Ly, xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, ông tham gia công tác hòa giải từ năm 2014 đến nay. Ông là hòa giải viên tiêu biểu của thôn cũng như của xã. Cảm nhận đầu tiên của tôi về ông là sự nhanh nhẹn, cởi mở, thân thiện, dễ gần.

Ông kể lại những khó khăn ban đầu: Do trình độ dân trí không đồng đều, hiểu biết hạn chế, nhiều mâu thuẫn phát sinh.... thêm nữa, địa bàn dân cư nơi ông sinh sống chủ yếu là người dân tộc thiểu số, do vậy, ông cùng các tổ viên đã gặp không ít khó khăn, trở ngại. Nhưng với sự tâm huyết, nhiệt tình trong công việc cộng với vốn sống và khả năng thuyết phục “Thấu tình, đạt lý”, khách quan, công bằng ông đã hòa giải kịp thời những mâu thuẫn phát sinh trong cộng đồng dân cư. Từ khi tham gia công tác hòa giải đến nay, ông đã hòa giải thành công rất nhiều vụ, việc, đặc biệt là từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/3/2020, đã tiếp nhận và giải quyết hòa giải thành 03/03 vụ việc.

Giàng A Páo chia sẻ kinh nghiệm về công tác hòa giải: khi có vụ việc phát sinh ông chủ động nghiên cứu, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, rồi ông đến tận nơi để tìm hiểu, xác minh, tìm ra hướng giải quyết, đặc biệt ông luôn vận dụng những phong tục tập quán của địa phương, những quy ước, hương ước của thôn bản, sau đó tiến hành gặp gỡ các bên để hòa giải. Ông đã hòa giải thành nhiều vụ tranh chấp đất đai, vợ chồng mâu thuẫn, gia súc phá hoại hoa màu... không có vụ việc nào ông Páo và tổ hòa giải của ông không giải quyết được. Tuy nhiên, có những vụ việc chỉ cần hòa giải một lần, nhưng cũng có vụ phải kiên trì gặp gỡ, thuyết phục nhiều lần để thống nhất giữa các bên. Nói chuyện cùng



(Ông Giàng A Páo, thứ 2 từ bên phải sang)

Ảnh: Xuân Đặng

chúng tôi, ông chia sẻ: Giữ vững đoàn kết ở thôn bản là một điều vô cùng quan trọng; cuộc sống ổn định, bình yên thì đời sống tinh thần cũng như kinh tế - xã hội mới được phát triển tốt.

Có thể nói, công tác hòa giải cơ sở ở thôn Khẩu Ly, xã Bản Mù thời gian qua được ông Giàng A Páo và các hòa giải viên thực hiện đạt hiệu quả, giữ gìn tình làng, nghĩa xóm, tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng, sự cảm thông, chia sẻ trong từng gia đình và toàn xã hội; có được thành công đó là hòa giải viên phải đi sâu, bám sát địa bàn thôn để giải quyết mâu thuẫn ngay khi mới phát sinh.

Vũ Xuân Đặng
Phòng Tư pháp Trạm Tấu

Ông Thìn hòa giải

Sinh ra và lớn lên tại thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, ông Nguyễn Xuân Thìn sinh năm 1951, từng trải qua nhiều công việc khác nhau, năm 2009, sau khi về nghỉ hưu theo chế độ, ông Thìn làm bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận thôn 5 nay là tổ dân phố 9, thị trấn Cổ Phúc.

Ấn tượng đầu tiên khi tiếp xúc với ông chính là cách truyền đạt nhẹ nhàng, đơn giản nhưng đi vào lòng người và khiến người nghe có thể cảm nhận được tình cảm chân thành sâu sắc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm cao trong công tác hòa giải ở cơ sở mà ông đảm nhận kể từ năm 2009 đến nay. Tổ hòa giải tổ dân phố số 9, thị trấn Cổ Phúc hiện có 7 thành viên. Bình quân hàng năm xảy ra 3-5 và số vụ đều giảm dần qua từng năm. 100% số vụ đều được hòa giải thành ngay tại cơ sở và không có khiếu kiện lên cấp trên.

Để có được kết quả trên, trong quá trình hòa giải vụ việc, bản thân ông cùng với các thành viên trong tổ hòa giải đã nghiên cứu các tài liệu về pháp luật. Trên cơ sở tình cảm, đạo lý, tình làng nghĩa xóm để đưa ra những lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục các bên nhằm thỏa mãn ý chí nguyện vọng của các bên, đi đến thống nhất, hòa hợp, đoàn kết, không còn mâu thuẫn.

Trải qua hơn 10 năm làm công tác hòa giải, ông Nguyễn Xuân Thìn đã rút ra cho mình nhiều kinh nghiệm thực tiễn quý báu. Trước tiên bản thân ông và gia đình phải gương mẫu, chấp hành pháp luật. Giữ lối sống trong sạch, giản dị. Tiếp đó là tích cực tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ hòa



giải, các quy định của pháp luật liên quan đến các vấn đề phát sinh tại cơ sở, từ đó vận dụng các văn bản pháp luật áp dụng vào công tác hòa giải. Các thành viên trong tổ hòa giải phải là những người nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc của mình. Trước mỗi sự việc xảy ra, tổ hòa giải cần nắm bắt được tình hình thực tế và xuất phát từ tình cảm, tình làng nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

Với những thành tích đã đạt được trong công tác hòa giải ở cơ sở, nhiều năm liền ông Thìn và tổ hòa giải tổ dân phố 9, thị trấn Cổ Phúc đã góp phần tích cực vào việc ổn định chính trị, tư tưởng, an ninh trật tự ở khu dân cư. Đồng thời cũng góp phần vào thành tích chung của tổ dân phố 5 năm liền đạt khu dân cư văn hóa, chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tổ hòa giải được UBND huyện Trấn Yên và UBND thị trấn Cổ Phúc khen thưởng./.

Thu Phượng - Kim Oanh
Trung tâm Truyền thông và Văn hóa
huyện Trấn Yên

NIỀM HẠNH PHÚC NGỌT NGÀO

Hôm nay nhà ông Kỷ bà Linh có nhiều con cháu về. Chả là nhà ông bà đang có đại hỷ, cậu con trai duy nhất trong số 8 người con của bà chuẩn bị kết hôn. Cả họ vui mừng vì không những cậu Đức thoát ế mà còn cưới một đợc hai. Bà Linh quyết định tổ chức cưới con thật linh đình để đón con dâu và cháu nội chưa chào đời.

Thấy cô con dâu tương lai cổ bê rổ bát to ùng trong khi đang mang thai, bà Linh vội chạy lại đỡ và nhẹ nhàng nhắc đang bụng mang dạ chửa thì không được làm những việc nặng, phải giữ gìn thì em bé mới ra đời mạnh khỏe đợc. Nhìn bà Linh dặn dò con dâu mà niềm vui ðong ðầy khoe mắt.

Thúy là vợ sắp cưới của Đức, thấy mẹ chồng tương lai nói vậy thì xấu hổ ðỏ mặt, nhưng cô rất vui, vui vì đợc gia ðình Đức ðón tiếp nồng hậu như thế. Còn một tháng nữa là ðến ðám cưới rồi, hôm nay cô về ra mắt nhà chồng ðồng thời bàn bạc việc cưới xin. Hai người một già một trẻ cười nói vui vẻ, thỉnh thoảng lại cười rộ lên...

Nghe tiếng cười của mẹ ngoài sân, mấy chị gái của Đức cùng kéo nhau tham gia vào câu chuyện của mẹ mình. Chị Hằng là con gái cả của bà Linh, năm nay cũng gần 50 tuổi, ðã có 2 ðứa con ði học ðại học cả rồi. Nhìn vẻ mặt e thẹn của Thúy, chị Hằng ðộng viên em dâu tương lai yên tâm không phải lo lắng việc gia ðình vì ðã có bố mẹ và các chị ở bên ðộng viên, giúp ðỡ.

Đức trong nhà chạy ra, thấy mọi người ðứng quanh Thúy chuyện trò, liền ôm lấy

Thúy rồi quay sang mẹ và các chị nhờ vả: Vợ con lần ðầu ði lấy chồng, mẹ và các chị nhớ ðộng việc cô ấy, có quát mắng gì thì quát mắng con thôi nhé... Nghe Đức nói cả nhà cùng cười, bà Linh liền nhắc ðể cậu biết ðấy là việc mẹ và các chị nên làm, cũng là mong cho các con đợc sống hạnh phúc và thật thoải mái trong nhà mình các con ạ.

Thúy thấy mình thật hạnh phúc, mọi lo lắng cho lần ðầu tiên ra mắt nhà chồng dường như tan biến, mẹ và các chị của Đức thật gần gũi, tình cảm. Tự nhiên nước mắt trào ra, Thúy vội lấy tay quẹt nước mắt xúc ðộng, cô cứ nghĩ là sẽ gặp phải một số khó khăn, nhưng không ngờ lại đợc mọi người yêu quý và thương như thế.

Mỗi người một câu ðộng viên cho Thúy yên tâm rồi cùng nhau vào bếp chuẩn bị cho bữa cơm ðầu tiên có tất cả con cháu trong gia ðình, kể từ ngày Thúy và Đức yêu nhau. Bữa cơm ðầm ấm, vui vẻ ðiễn ra. Mọi người vừa ăn vừa bàn bạc những việc phải làm, sắp ðặt chi tiết ai làm việc gì cho ngày cưới của Đức - Thúy tới ðây. Bà Linh là người quyết ðịnh sau cùng và bà luôn quyết những thứ to nhất, ðắt nhất, ðẹp nhất ðể tổ chức ðám cưới cho con trai bà. Niềm vui, hạnh phúc luôn hiện lên trong mắt và nụ cười thường trực trên môi bà.

Khi mọi bàn bạc mọi việc về ðám cưới ðã hòm hòm, Thúy mới nhẹ nhàng nói lên ðiều cô suy nghĩ lâu nay. Chả là cô ðang làm ở bộ phận KCS của một công ty nước ngoài, nhưng giờ cô ðang có bầu, cũng chỉ vài tháng nữa là sinh con nên ðang rất lo sẽ bị công ty

sa thải. Đã gắn bó với công ty gần 10 năm và yêu thích công việc này đồng thời cũng muốn có thu nhập để đỡ đàn chồng và sau này còn nuôi con nữa.

Nghe Thúy trình bày, cả nhà lập tức tập trung vào câu chuyện của Thúy. Ông Kỷ đang cầm tập giấy ghi nội dung công việc cưới hỏi liền tháo mục kính ra trầm ngâm. Ông nhớ là mấy hôm trước xem trên ti vi thấy nói Bộ luật Lao động và chế độ gì đó của người lao động, chắc phải có quy định liên quan đến lao động nữ liền nhắc con gái xem văn bản có gì liên quan đến việc Thúy vừa nói không?

Chị Lý là chị giáp với Đức làm trong Ban chấp hành Công đoàn tại công ty chị làm việc, liền thông tin ngay cho mọi người quy định lao động, việc làm trong đó có chế độ, chính sách, quyền lợi của người lao động, đặc biệt là lao động nữ. chị đọc cho mọi người cùng nghe: Điều 155 Bộ Luật Lao động năm 2012 quy định về bảo vệ thai sản đối với lao động nữ như sau: “Người sử dụng lao động không được sử dụng lao động nữ làm việc ban đêm, làm thêm giờ và đi công tác xa trong trường hợp mang thai từ tháng thứ 07 hoặc từ tháng thứ 06 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; Lao động nữ làm công việc nặng nhọc khi mang thai từ tháng thứ 07, được chuyển làm công việc nhẹ hơn hoặc được giảm bớt 01 giờ làm việc hằng ngày mà vẫn hưởng đủ lương; Người sử dụng lao động không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì lý do kết hôn, mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân chết, bị



Ảnh minh họa: Nguồn ảnh Internet

Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết hoặc người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động; Trong thời gian mang thai, nghỉ hưởng chế độ khi sinh con theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ không bị xử lý kỷ luật lao động; Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ mỗi ngày 30 phút, trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc. Thời gian nghỉ vẫn được hưởng đủ tiền lương theo hợp đồng lao động”.

Cả nhà cùng vui mừng trước thông tin mà chị lý vừa nói, người mừng nhất là Thúy, cô vẫn được làm công việc mình yêu thích, mỗi người một câu quanh chuyện sinh con và việc làm của Thúy. Thúy nhìn quanh, những gương mặt mà mới sáng đây thôi còn xa lạ với cô mà bây giờ sao đã gần gũi, ấm áp đến thế, cô thấy mình thật sự hạnh phúc khi được làm dâu con trong một gia đình trọng tình cảm thế này. Thúy mơ màng nghĩ về một tương lai hạnh phúc với cuộc sống viên mãn và những đứa con khaú khỉnh./.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT:

Thời gian gần đây, lợi dụng những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nhiều cá nhân đã đưa ra những thông tin sai sự thật để câu like trên các trang mạng xã hội. Hành vi này bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 64 Nghị định 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện, người vi phạm có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng với hành vi “cung cấp nội dung thông tin sai sự thật, vu khống, xuyên tạc, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân”.

- Điểm g Khoản 3 Điều 66 Nghị định cũng quy định: Xử phạt 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với hành vi “cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số nhằm đe dọa, quấy rối, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác”.

Trong trường hợp, nếu xác định được chính xác người tung tin sai sự thật có tính chất vu khống thì có thể bị xử lý theo quy định tại Điều 156, Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó, người phạm tội vu khống có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù thấp nhất từ 3 tháng và cao nhất đến 7 năm./.

Hoàng Anh

Hỏi: Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) uống rượu bia có bị xử phạt không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt thì người điều khiển xe đạp, xe đạp điện uống rượu bia sẽ bị xử phạt tối thiểu là 80.000 đồng, tối đa là 600.000 đồng, cụ thể:

- Điểm q, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

- Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở (điểm e, khoản 3 Điều 8).

- Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở (điểm c khoản 4 Điều 8)/.

Hoàng Anh

